

Số: 01 /2024/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chức danh, chế độ phụ cấp đối với người hoạt động
không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của
Chính phủ về bảo vệ dân phố;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không
chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
Căn cứ Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Bộ
Tài chính hướng dẫn hỗ trợ kinh phí hoạt động của các Chi hội thuộc các tổ
chức chính trị - xã hội các xã đặc biệt khó khăn;
Xét Tờ trình số 660/TTr-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chức danh, chế độ
phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân
phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế và ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh và mức phụ cấp của từng chức danh
người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung

là cấp xã), ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

b) Các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định chức danh và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Các chức danh và mức phụ cấp để bố trí tại các đơn vị hành chính cấp xã, trường hợp không bố trí đủ số lượng theo phân loại đơn vị hành chính hoặc tăng thêm do quy mô dân số, diện tích tự nhiên thì bố trí thêm các chức danh được quy định tại khoản 2 Điều này để đảm bảo số lượng theo quy định

Stt	Chức danh	Mức phụ cấp
1	Văn phòng Đảng ủy	Hệ số 2,0 lần mức lương cơ sở/tháng
2	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự	Hệ số 2,0 lần mức lương cơ sở/tháng
3	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	Hệ số 1,5 lần mức lương cơ sở/tháng
4	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	Hệ số 1,5 lần mức lương cơ sở/tháng
5	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Hệ số 1,5 lần mức lương cơ sở/tháng
6	Phụ trách Nhà văn hóa - Đài truyền thanh và Văn hóa, thể dục, thể thao	Hệ số 1,5 lần mức lương cơ sở/tháng
7	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Hệ số 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng
8	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Hệ số 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng
9	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	Hệ số 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng
10	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Hệ số 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng
11	Thủ quỹ	Hệ số 1,1 lần mức lương cơ sở/tháng

2. Các chức danh để bố trí theo phân loại đơn vị hành chính hoặc tăng thêm do quy mô dân số, diện tích tự nhiên

Stt	Chức danh	Mức phụ cấp
1	Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận - Tổ chức Đảng	Hệ số 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng
2	Giao thông - Thủy lợi - Nông nghiệp	Hệ số 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng

3	Xây dựng - Đô thị - Môi trường	Hệ số 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng
4	Công tác xã hội và bảo vệ trẻ em	Hệ số 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng

Mức phụ cấp nêu trên đã bao gồm kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ quyết định giao số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã hàng năm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và khung chức danh quy định tại Điều này để bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã phù hợp với quy định và tình hình thực tế của địa phương.

Điều 3. Mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã:

Stt	Chức danh	Mức phụ cấp
1	Bí thư Chi bộ	Hệ số 1,9 lần mức lương cơ sở/tháng
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố	Hệ số 1,9 lần mức lương cơ sở/tháng
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	Hệ số 1,5 lần mức lương cơ sở/tháng

2. Các thôn và tổ dân phố và còn lại:

Stt	Chức danh	Mức phụ cấp
1	Bí thư Chi bộ	Hệ số 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố	Hệ số 1,3 lần mức lương cơ sở/tháng
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	Hệ số 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng

Điều 4. Về kiêm nhiệm và phụ cấp kiêm nhiệm đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Về kiêm nhiệm và phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo khoản 2 Điều 20, khoản 8 Điều 33 và khoản 4 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Đối với chức danh Thủ quỹ: Bố trí cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm.

Điều 5. Chế độ chính sách khác

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố có trình độ Đại học trở lên, hàng tháng được hưởng thêm hệ số 0,3 lần mức lương cơ sở.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ hiện đang đảm nhiệm và được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

3. Mức phụ cấp đối với Ban Bảo vệ dân phố:

- Trưởng ban Bảo vệ dân phố: Hưởng hệ số 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng;
- Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố: Hưởng hệ số 0,7 lần mức lương cơ sở/tháng;
- Tổ trưởng Bảo vệ dân phố: Hưởng hệ số 0,5 lần mức lương cơ sở/tháng;
- Tổ phó Bảo vệ dân phố: Hưởng hệ số 0,4 lần mức lương cơ sở/tháng;
- Tổ viên Bảo vệ dân phố: Hưởng hệ số 0,3 lần mức lương cơ sở/tháng.

Điều 6. Mức hỗ trợ hàng tháng người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Bí thư Chi đoàn thanh niên ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ mức 500.000 đồng/người/tháng.

Điều 7. Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

1. Đối với các xã miền núi; đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển: 17,5 triệu đồng/tổ chức/năm.

2. Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: 15 triệu đồng/tổ chức/năm.

Điều 8. Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, chi bộ ở thôn, tổ dân phố và các thôn, tổ dân phố

1. Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn: 03 triệu đồng/tổ chức/năm.

2. Thôn, tổ dân phố còn lại: 02 triệu đồng/tổ chức/năm.

Điều 9. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Kinh phí hỗ trợ hàng tháng người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được quy định tại Điều 6 Nghị quyết này do ngân sách tỉnh đảm bảo 40%; 60% còn lại sử dụng từ đoàn phí, hội phí, các nguồn quỹ khác và từ nguồn ngân sách hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố Huế.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Ngoài những chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này, các chức danh khác ở cấp xã, mức phụ cấp và các chế độ, chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Bãi bỏ điểm e khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và phân cấp nhiệm vụ chi thực hiện công tác dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 12/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về số lượng và chế độ phụ cấp đối với Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; mức phụ cấp hằng tháng đối với Thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.


Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 15 thông qua ngày 26 tháng 01 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- UBND tỉnh; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Nội vụ; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, tp. Huế;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, DN1. 



CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu

